

Bản án số: 37/2026/ HNGĐ-ST

Ngày: 05-5-2025

V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan và ông Trần Công Bằng

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Bá Diệu Linh - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 252/2025/TLST - HNGĐ ngày 19/12/2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026; quyết định hoãn phiên toà số 85/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Đình B, sinh ngày 20 tháng 3 năm 1997; Nơi cư trú: thôn Tr, xã V, tỉnh Quảng Trị. Có mặt

Căn cước công dân số: 045097008148

Bị đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh ngày 08 tháng 01 năm 1996; Nơi cư trú: thôn T, xã B, tỉnh Quảng Trị. Có đơn giải quyết vắng mặt

Căn cước công dân số: 044196001301

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà hôm nay anh Lê Đình B trình bày: Anh và chị Hoàng Thị L có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Quảng B vào ngày 19/02/2024. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và sinh hoạt không hoà hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung thường xuyên xảy ra cãi vã. Gia đình hai bên đã cố gắng hoà giải để giúp vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn của vợ chồng càng gay gắt, trầm trọng. Từ tháng 7 năm 2025 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc

gì đến nhau nữa. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Hoàng Thị L để sớm ổn định cuộc sống của bản thân.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh B trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hoà giải bị đơn chị Hoàng Thị L trình bày: Chị và anh Lê Đình B có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện Đăng ký kết hôn vào ngày 19/02/2024. Sau khi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương vì công việc hai vợ chồng chị phải ở cách xa nhau, anh B làm ở B Định còn chị công tác ở Quảng B. Vì ở xa nên vợ chồng ít gặp nhau, mỗi năm gặp nhau được 4 đến 5 lần, mỗi lần 2 đến 3 ngày. Chính vì ở xa nhau nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Nguyên nhân là do chồng chị L hệ với người yêu cũ và để ảnh người yêu cũ trong máy nên vợ chồng mới xảy ra cãi vã. Nay anh B làm đơn xin ly hôn chị nhận thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng có thể khắc phục được nên không đồng ý ly hôn.

Chị L cũng thống nhất trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng chị cũng nhất trí như trình bày của anh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện anh Lê Đình B đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 giải quyết ly hôn đối với anh chị Hoàng Thị L, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”; chị L có nơi cư trú là thôn Tân Năm, xã B, tỉnh Quảng Trị, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án chị Hoàng Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Hoàng Thị L.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đình B và chị Hoàng Thị L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã C, huyện B, tỉnh Quảng B (nay là xã B, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 19/02/2024 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau nên thường xảy ra cãi vã. Sau khi kết hôn vì lý do công việc nên anh chị không sống cùng nhau, đã nhiều lần được gia đình hai bên hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể khắc phục được. Quá trình hoà giải anh B đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, chị L đề nghị vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh B không đồng ý, chị L cũng không đưa ra được phương án đoàn tụ. Tại phiên hoà giải được tổ chức vào ngày 14/01/2026, chị L yêu cầu Toà án hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng tại phiên hoà giải 05/02/2026, phiên toà lần thứ nhất ngày 09/4/2026 và tại phiên toà hôm nay mặc dù đã nhận được giấy triệu tập của Toà án nhưng chị L vẫn không có mặt để trình bày ý kiến và đưa ra phương án để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này cũng thể hiện chị L không hề quan tâm, lo lắng gì đến gia đình, mà để mặc cho anh B muốn làm gì thì làm, đã cố tình từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình đối với gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B là phù hợp với điều kiện thực tế của hai bên và phù hợp với quy định tại các Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

2.2. Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án anh Lê Đình B và chị Hoàng Thị L đều thống nhất trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án anh Lê Đình B và chị Hoàng Thị L đều thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí vụ kiện: Anh Lê Đình B phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị L.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đình B, xử cho anh Lê Đình B được ly hôn chị Hoàng Thị L.
3. Về quan hệ con chung: không xem xét.
4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét.
5. Về án phí vụ kiện: Anh Lê Đình B phải nộp tiền án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002441 ngày 19 tháng 12 năm 2025, anh B đã nộp đủ án phí.
6. Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1;
 - THADS tỉnh Quảng Trị;
 - TAND tỉnh Quảng Trị;
 - UBND xã C (nay là xã B)
- Số giấy CNKH 16 ngày 19/02/2024;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

